



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

02.10.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

THIẾU ĐỘNG LỰC CHUYỂN ĐỘNG

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	369
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	84
Số cổ phiếu giảm giá	243
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	42

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	214
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	45
Số cổ phiếu giảm giá	98
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	71

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	341
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	110
Số cổ phiếu giảm giá	134
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	97

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	46,177.58	105,848.30	(59,670.72)
% KL toàn thị trường	5.91%	13.55%	
Giá trị	1,629,100	3,983,818	(2,354,718)
% GT toàn thị trường	7.19%	17.58%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	798.41	3,395.83	(2,597.42)
% KL toàn thị trường	5.91%	13.55%	
Giá trị	25,605	69,619	(44,014)
% GT toàn thị trường	1.66%	4.52%	

UPCOM

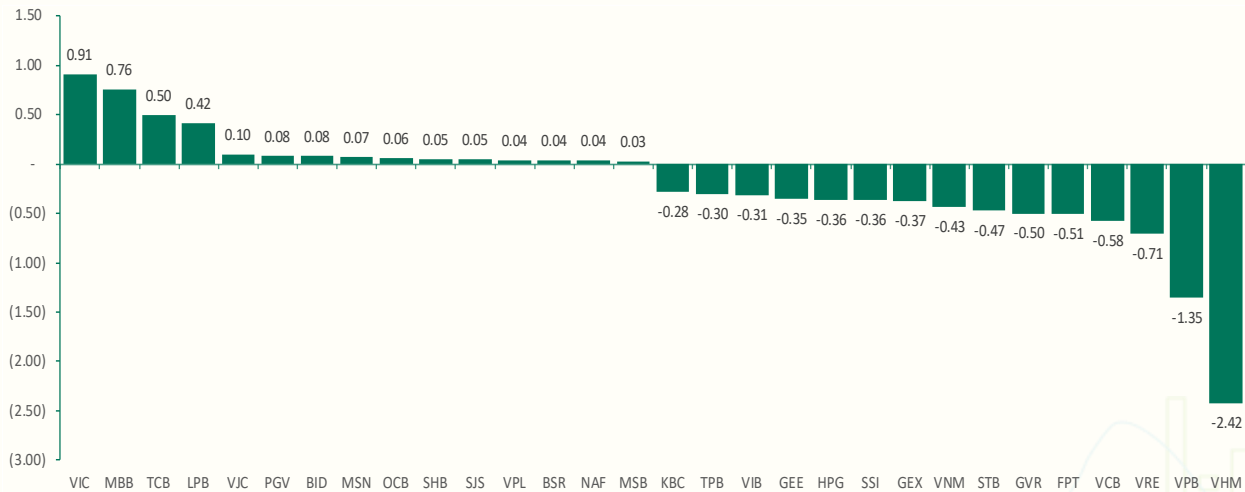
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	210.42	139.88	70.54
% KL toàn thị trường	0.89%	0.59%	
Giá trị	7,956	9,177	(1,221)
% GT toàn thị trường	2.33%	2.69%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	2,381,100	171,000	1,000 (0.59%)	48.35	4.18	3,537	663,561
2	VCB	3,657,500	62,100	-300 (-0.48%)	11.29	2.43	5,501	518,887
3	VHM	5,821,100	98,600	-2,600 (-2.57%)	14.01	1.76	7,039	404,991
4	BID	2,735,400	40,100	50 (0.12%)	10.10	1.73	3,972	281,557
5	CTG	8,398,200	51,500	0 (0%)	9.19	1.69	5,606	276,555
6	TCB	16,259,200	38,850	300 (0.78%)	12.63	1.70	3,075	275,300
7	VPB	31,474,300	30,150	-750 (-2.43%)	13.75	1.57	2,193	239,208
8	MBB	44,086,100	26,800	400 (1.52%)	6.19	1.28	4,331	215,874
9	HPG	30,165,900	28,100	-200 (-0.71%)	13.38	1.47	2,100	215,681
10	FPT	7,933,800	92,100	-1,300 (-1.39%)	15.71	3.42	5,862	156,893

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.89%	+37.00%	1,597
▼ Tài chính	-0.47%	+33.66%	104
> Tổ chức tín dụng	-0.25%	+32.11%	29
> Dịch vụ tài chính	-1.66%	+52.15%	62
> Bảo hiểm	-1.16%	+13.95%	13
▶ Bất động sản	-1.14%	+109.01%	132
▼ Công nghiệp	-0.67%	+27.37%	399
> Vận tải	-0.39%	+19.87%	117
> Hàng hóa công nghiệp	-1.26%	+40.61%	230
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+0.57%	+54.28%	52
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.68%	+1.20%	169
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.57%	+1.37%	190
> Thương mại hàng thiết yếu	-0.61%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-1.40%	+4.41%	4
▶ Nguyên vật liệu	-1.07%	+14.02%	284
▶ Tiện ích	-0.56%	+4.29%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-0.51%	+21.14%	187
> Thương mại hàng không thiết yếu	-0.99%	+16.40%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	+0.11%	+3.46%	37
> Thời trang và hàng tiêu dùng	-0.43%	+57.03%	72
> Xe và linh kiện	+0.12%	+1.41%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-0.56%	-23.74%	41
> Dịch vụ viễn thông	-0.48%	-25.61%	18
> Truyền thông và giải trí	-1.74%	+15.65%	23
▶ Năng lượng	-0.20%	-2.51%	53
▼ Công nghệ thông tin	-1.27%	-28.86%	16
> Phần mềm và dịch vụ	-1.20%	-29.18%	9
> Phần cứng và thiết bị	-1.98%	+23.85%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.47%	+6.16%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.42%	+9.34%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-0.93%	-28.61%	11

Thiếu động lực chuyển động

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 12.34 điểm (- 0.74%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ thương mại và chuyên biệt, xe và linh kiện, dịch vụ tiêu dùng và một số cổ phiếu riêng lẻ khác...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VEF, TLG, CSM, VPL, LPB, TCB, LSS, SJS, LHC, VJC, CTD ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) TLG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong pha sóng chuyển tiếp zigzag vận động kiểu ABC;
- ✓ Doanh thu tháng đạt 414 tỷ đồng, tăng 51% y/y. Doanh thu nội địa tăng mạnh 58% y/y lên 341 tỷ đồng, nhờ nhu cầu mùa tựu trường và thay đổi cách hạch toán (chiết khấu thương mại nay được ghi nhận vào chi phí bán hàng). Doanh thu xuất khẩu đạt 72 tỷ đồng, tăng 23% y/y. Trong khi lợi nhuận tháng không được công bố, nhưng công ty cho biết lợi nhuận tháng 8 tăng trên 30% y/y;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(ii) CSM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ CSM đang trong sóng 4 điều chỉnh với mục tiêu 13 – 15 (Sóng 4 lớn dài hạn);
- ✓ CSM dự kiến có thể được hoàn 350 tỷ tiền thuế VAT trong Q4/2025. Về mặt chủ trương dường như đã thông qua và hồ sơ đã hoàn thiện ở khâu cuối cùng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(iii) LSS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá có Break out MA(200) và các đường MA nằm ngang đi lên – Tín hiệu mua;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(iv) SJS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đã hoàn thành 5 sóng tăng giá và đang hình thành sóng giảm ABC;

- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Dịch vụ tài chính, truyền thông và giải trí, phần mềm và dịch vụ, hàng hóa công nghiệp, bảo hiểm, bất động sản, nguyên vật liệu, thương mại hàng không thiết yếu, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, vận tải, thời trang và hàng lâu bền...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như SSI, VND, VIX, VCI, MBS, HCM, BSI, CTS, VNZ, YEG, VNB, FPT, GEX, GEE, VGC, BCG, DPG, BMP, LCG, C4G, BVH, PVI, PTI, VHM, VRE, NVL, DXG, IDC, CEO, DIG, TAL, HPG, GVR, KSV, DPM, DCM, HSG, NKG, MWG, PNJ, DGW, FRT, HHS, VNM, DBC, ANV, MML, VHC, MSH, TNG, GIL, ACV, VSC, HVN, HHV, CII...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Hiện VIX có phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều với mô hình đỉnh vòng – Tín hiệu thận trọng trong bối cảnh cổ phiếu đã đạt mục tiêu giá sóng 5;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(ii) BCG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu sắp bị đình chỉ giao dịch nên NĐT tháo chạy;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(iii) FRT giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ FRT đang trong sóng 5 giảm giá với mục tiêu 91 – 110 (lưu ý vận động hiện tại là 12345 sóng nhỏ);
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(iv) VHC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu sau khi có Break out giả đang hình thành sóng giảm với mục tiêu 52;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: VN-Index vận động theo mô hình lá cờ đuôi nheo ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng vẫn nằm dưới mức bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 2,300 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: LPB, CTD, CII, TCB, VJC, NVL, TAL, BMI, NTP, NT2... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VHM, FPT, VPB, STB, MWG, CTG, SSI, HPG, GEX, DPM...Khối ngoại vẫn đang trong xu hướng tăng tốc bán ròng.

(ii) VN-Index đang dần hình thành một lá cờ đuôi nheo thường thấy trong các sóng tăng giá lớn. Trong quá trình này, thanh khoản thường thấp hơn mức trung bình. Với các NĐT thận trọng, có thể phải chờ đợi mẫu hình này có Break out để tham gia và dự báo của chúng tôi xu hướng tăng kèm theo thanh khoản chỉ xuất hiện ở nửa sau tháng 10.

Các cổ phiếu mua tích lũy trong phiên hôm nay là OCB, CSM, DPG, BID, VNM, BMP, NTC...

Các cổ phiếu có tiền vào mạnh: NRC, EVF...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 05 mã cho tín hiệu mua, 01 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VRE, TCB, STB, VIC, LPB ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 53% và 40% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu CTD



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	587.37	590.02	584.72	NO	592.81	603.55	608.99	619.73	576.63	571.19	560.45	555.01
HNINDEX	271.02	271.76	270.29	NO	273.01	276.46	278.45	281.9	267.57	265.58	262.13	260.14
UPINDEX	109.86	109.89	109.84	YES	110.32	110.81	111.27	111.76	109.37	108.91	108.42	107.96
VN30	1867.51	1871.37	1863.66	NO	1883.49	1907.17	1923.15	1946.83	1843.83	1827.85	1804.17	1788.19
VNINDEX	1659.75	1663.27	1656.23	NO	1672.69	1692.66	1705.6	1725.57	1639.78	1626.84	1606.87	1593.93
VNXALL	2865.48	2873.5	2857.45	NO	2885.77	2922.13	2942.42	2978.78	2829.12	2808.83	2772.47	2752.18
VN30FIM	1858.13	1860.8	1855.47	NO	1876.27	1899.73	1917.87	1941.33	1834.67	1816.53	1793.07	1774.93
VN30FIQ	1856	1860	1852	NO	1872	1896	1912	1936	1832	1816	1792	1776
VN30F2M	1855.83	1858.3	1853.37	NO	1872.57	1894.23	1910.97	1932.63	1834.17	1817.43	1795.77	1779.03
VN30F2Q	1832.47	1834.3	1830.63	NO	1846.93	1865.07	1879.53	1897.67	1814.33	1799.87	1781.73	1767.27
BCM	66.47	66.6	66.33	NO	66.73	67.27	67.53	68.07	65.93	65.67	65.13	64.87
ACB	25.88	25.95	25.82	NO	26.07	26.38	26.57	26.88	25.57	25.38	25.07	24.88
BID	40.27	40.35	40.18	NO	40.53	40.97	41.23	41.67	39.83	39.57	39.13	38.87
BVH	54.57	54.8	54.33	NO	55.03	55.97	56.43	57.37	53.63	53.17	52.23	51.77
CTG	51.7	51.8	51.6	NO	52.2	52.9	53.4	54.1	51	50.5	49.8	49.3
FPT	92.5	92.7	92.3	NO	93	93.9	94.4	95.3	91.6	91.1	90.2	89.7
GVR	27.5	27.6	27.4	NO	27.85	28.4	28.75	29.3	26.95	26.6	26.05	25.7
GAS	60.53	60.65	60.42	NO	60.77	61.23	61.47	61.93	60.07	59.83	59.37	59.13
HDB	30.92	30.95	30.88	NO	31.23	31.62	31.93	32.32	30.53	30.22	29.83	29.52
LPB	51.87	52	51.73	NO	52.63	53.67	54.43	55.47	50.83	50.07	49.03	48.27
HPG	28.27	28.35	28.18	NO	28.48	28.87	29.08	29.47	27.88	27.67	27.28	27.07
MBB	26.87	26.9	26.83	NO	27.28	27.77	28.18	28.67	26.38	25.97	25.48	25.07
MSN	81.53	81.55	81.52	YES	82.07	82.63	83.17	83.73	80.97	80.43	79.87	79.33
MWG	77.5	77.7	77.3	NO	78.1	79.1	79.7	80.7	76.5	75.9	74.9	74.3
PLX	34.12	34.17	34.06	NO	34.23	34.47	34.58	34.82	33.88	33.77	33.53	33.42
SAB	45.52	45.58	45.46	NO	45.63	45.87	45.98	46.22	45.28	45.17	44.93	44.82
SSB	19.32	19.33	19.31	YES	19.43	19.57	19.68	19.82	19.18	19.07	18.93	18.82
SHB	16.95	16.92	16.97	NO	17.2	17.4	17.65	17.85	16.75	16.5	16.3	16.05
SSI	38.17	38.33	38.01	NO	38.63	39.42	39.88	40.67	37.38	36.92	36.13	35.67
TCB	38.82	38.8	38.83	YES	39.23	39.62	40.03	40.42	38.43	38.02	37.63	37.22
STB	59	59.15	58.85	NO	60	61.3	62.3	63.6	57.7	56.7	55.4	54.4
TPB	19.05	19.17	18.92	NO	19.3	19.8	20.05	20.55	18.55	18.3	17.8	17.55
VHM	99.73	100.3	99.17	NO	100.87	103.13	104.27	106.53	97.47	96.33	94.07	92.93
VCB	62.43	62.6	62.27	NO	62.77	63.43	63.77	64.43	61.77	61.43	60.77	60.43
VIB	19.92	20.03	19.81	NO	20.13	20.57	20.78	21.22	19.48	19.27	18.83	18.62
VIC	129.2	129.45	128.95	NO	131	133.3	135.1	137.4	126.9	125.1	122.8	121
VIC	171.83	172.25	171.42	NO	174.87	178.73	181.77	185.63	167.97	164.93	161.07	158.03
VNM	61.67	61.9	61.43	NO	62.13	63.07	63.53	64.47	60.73	60.27	59.33	58.87
VPB	30.6	30.83	30.38	NO	31.05	31.95	32.4	33.3	29.7	29.25	28.35	27.9
VRE	32.33	32.63	32.04	NO	32.92	34.08	34.67	35.83	31.17	30.58	29.42	28.83

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
MBB	44,086,100	16,741,610	263	1.52
DPM	8,470,100	3,198,540	265	-4.6
NRC	8,158,400	1,060,720	769	2.94
LSS	2,729,900	227,330	1200.85	6.9
AGG	1,578,000	582,100	271	0.26
DRH	1,331,400	597,430	223	-6.92
TCI	1,244,400	603,190	206.3	0.83
AAV	1,242,600	321,290	387	3.39
G36	1,215,300	573,410	212	-5.61
CTP	648,300	52,150	1243.14	-2.94
C47	527,200	160,060	329	-5.12
DSC	436,100	192,150	227	-3.85
HBS	427,800	128,730	332	2.27
LAS	382,300	184,140	208	-1.66
CIG	363,800	52,130	697.87	1.68
DTL	297,700	91,980	324	-2.22
FUETCC50	212,700	65,860	323	-0.36
CIP	132,000	2,490	5,301	14.29
DDB	129,200	44,660	289	-2
WSS	123,600	38,670	319.63	7.04
PLP	94,900	41,260	230	-0.36
ANT	79,300	33,190	239	9.8
LHC	73,400	16,180	454	0.74
SBB	62,600	11,350	552	-3.03
QTC	62,100	130	47769.23	2.5
NBE	52,000	13,430	387	0
CLH	48,000	5,690	844	0
VCC	37,500	15,660	239	-3.03
HWS	35,100	6,480	542	-1.38
CCI	34,900	1,260	2,770	6.31
SDT	34,400	15,120	228	-2
HMC	31,800	12,310	258	-1.27
SHA	29,800	4,290	695	0.69
MCP	27,600	11,780	234	0.71
DSN	26,500	5,960	445	0.22
BAB	22,400	9,650	232	0
TDS	22,200	4,980	446	0
ACG	21,200	8,050	263	0.14
VCW	17,000	1,780	955	-14.89
HMH	16,800	3,300	509	-6.59

- Lưu ý: MBB, DPM...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
24-Sep	DIG	Mua	≤ 27	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành
24-Sep	HDC	Mua	≤ 36	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành
24-Sep	DBC	Mua thêm	≤ 28	10% -20%	Mua Pull Back MA(200)

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 01/10, NHNN giữ nguyên niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.187 VND/USD. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.978 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 26.550 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.420 VND/USD, giảm 06 đồng so với phiên 30/09. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 05 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.515 VND/USD và 26.615 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 01/10, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,20 – 0,38 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 4,56%; 1W 4,90%; 2W 5,08% và 1M 5,28%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 1W và 2W, giao dịch tại: ON 4,12%; 1W 4,14%; 2W 4,19%, 1M 4,22%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ không thay đổi ở kỳ hạn 3Y, chốt phiên: 3Y 2,79%; 5Y 3,06%; 7Y 3,38%; 10Y 3,63%; 15Y 3,71%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 6.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 4.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 1.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 28 ngày và 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 6.000 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 4.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 238,46 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày, không có khối lượng trúng thầu ở kỳ hạn 91 ngày. Có 12.443,01 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN hút ròng 2.204,55 tỷ đồng từ thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 182.827,70 tỷ đồng lưu hành ở kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 01/10, KBNN đấu thầu thành công 5.065 tỷ đồng/11.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 46%). Trong đó, kỳ hạn 5Y trúng thầu toàn bộ 1.000 tỷ đồng gọi thầu, 10Y trúng thầu 4.065 tỷ đồng/8.000 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 15Y và 30Y gọi thầu lần lượt 1.500 tỷ đồng và 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở cả hai kỳ hạn. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 3,07% (+0,04 đpt so với phiên đấu thầu trước), 10Y là 3,64% (+0,05 đpt).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

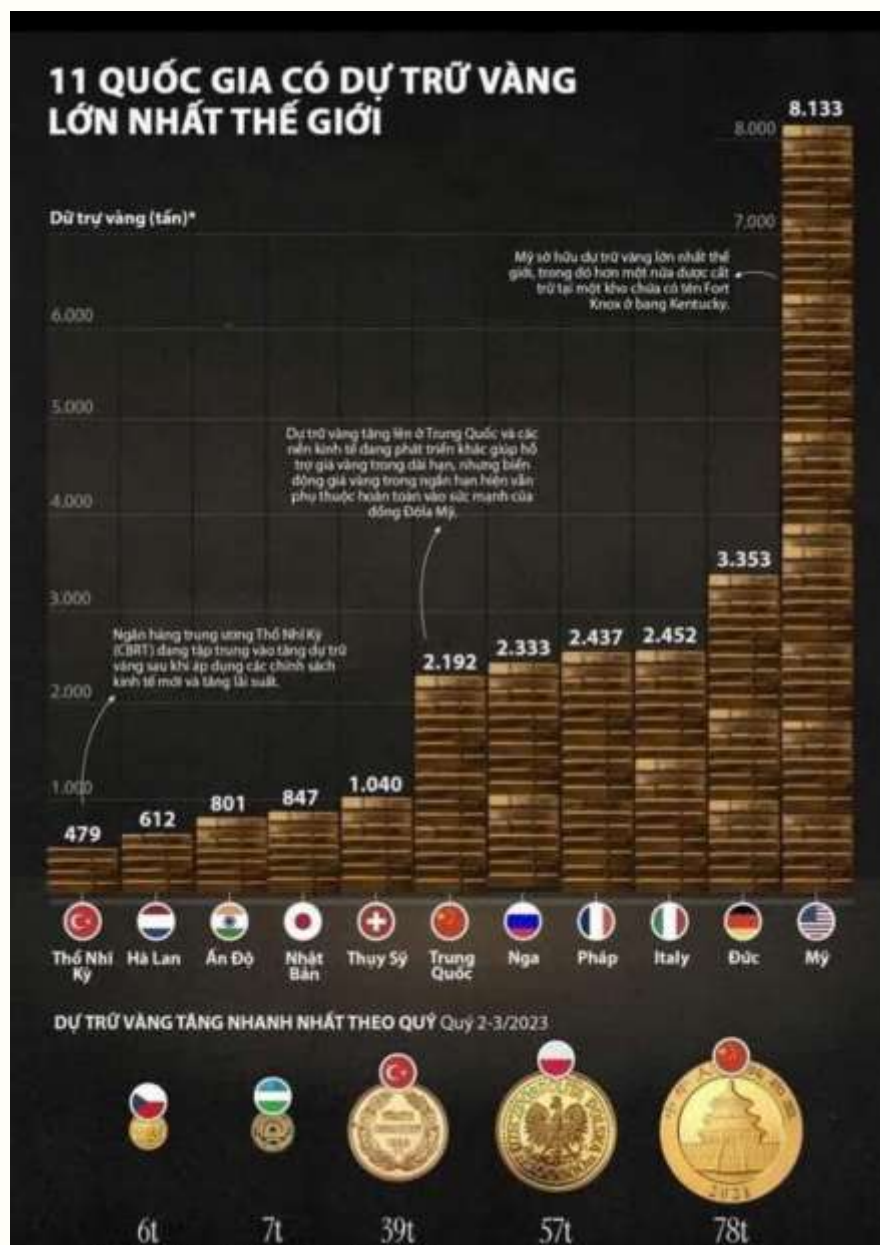
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Các quốc gia có dự trữ vàng lớn nhất thế giới



40 tỷ đô dành cho cuộc chơi LNG của Việt Nam



TTCK MỸ

Nhiều cổ phiếu có có Break out mẫu hình xác nhận xu hướng tăng tiếp tục

Tesla liên tục tăng giá kể từ khi Elon Musk mua vào



Nike đang vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge trên đồ thị tuần



TTCK Mỹ thường tăng điểm khi chính phủ đóng cửa

Shutdowns Add Drama, But Historically Stocks Don't Really Care

S&P 500 Performance During And After Government Shutdowns

Start of Shutdown	Reopen Date	Length (Days)	S&P 500 Return	S&P 500 12 Months After End	President	Senate	House
9/30/1976	10/11/1976	11	-3.5%	-6.6%	Ford	Democrat	Democrat
9/30/1977	10/13/1977	13	-2.5%	12.0%	Carter	Democrat	Democrat
10/31/1977	11/9/1977	9	0.4%	1.5%	Carter	Democrat	Democrat
11/30/1977	12/9/1977	9	-1.0%	3.2%	Carter	Democrat	Democrat
9/30/1978	10/18/1978	18	-2.0%	3.1%	Carter	Democrat	Democrat
9/30/1979	10/12/1979	12	-4.4%	24.7%	Carter	Democrat	Democrat
5/1/1980	5/1/1980	1	-0.8%	25.8%	Carter	Democrat	Democrat
11/20/1981	11/23/1981	3	0.7%	9.3%	Reagan	Republican	Democrat
9/30/1982	10/2/1982	2	0.3%	36.2%	Reagan	Republican	Democrat
12/17/1982	12/21/1982	4	2.4%	18.0%	Reagan	Republican	Democrat
11/10/1983	11/14/1983	4	1.6%	-0.4%	Reagan	Republican	Democrat
9/30/1984	10/3/1984	3	-2.2%	13.5%	Reagan	Republican	Democrat
10/3/1984	10/5/1984	2	-0.6%	12.6%	Reagan	Republican	Democrat
10/16/1986	10/18/1986	2	0.0%	18.4%	Reagan	Republican	Democrat
12/18/1987	12/20/1987	2	2.5%	11.9%	Reagan	Democrat	Democrat
10/5/1990	10/9/1990	4	-2.1%	23.2%	George H. W. Bush	Democrat	Democrat
11/13/1995	11/19/1995	6	1.2%	22.8%	Clinton	Republican	Republican
12/15/1995	1/6/1996	22	0.0%	21.3%	Clinton	Republican	Republican
10/1/2013	10/17/2013	16	3.1%	8.9%	Obama	Democrat	Republican
1/19/2018	1/22/2018	2	0.8%	-7.1%	Trump	Republican	Republican
2/9/2018	2/9/2018	1	1.5%	3.4%	Trump	Republican	Republican
12/21/2018	1/25/2019	34	10.3%	23.7%	Trump	Republican	Republican
Average		8.2	0.3%	12.7%			
Median		4.0	0.1%	12.0%			
% Higher			54.5%	86.4%			

S&P 500 sẽ tiếp tục tăng giá ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

